

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 13 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 78/2026/QĐST-DS

*Đắk Lắk, ngày 30 tháng 09 năm 2026*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – ĐẮK LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hiền;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Trưởng;

2. Ông Trương Đình Thành.

Căn cứ vào Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 75/2026/TLST- DS ngày 03 tháng 02 năm 2026;

**XÉT THẤY:**

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

*- Nguyên đơn:*

1/ Ngân hàng Thương mại cổ phần () Việt Nam T.

Địa chỉ: Tòa nhà V, H L, phường Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng L – nhân viên ngân hàng (theo giấy ủy quyền số 2406/2026/UQN-PLKHDN3 ngày 24/6/2026)

Địa chỉ: A H, phường T, tỉnh Đắk Lắk.

2/ Công ty cổ phần M nay được đổi lên là Công ty cổ phần M.

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T – chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng L, Huỳnh Minh D1 (theo giấy ủy quyền số 5406/2026/UQ-XLN-JUPITERMN ngày 04/6/2026)

Địa chỉ: A H, phường T, tỉnh Đắk Lắk

*- Bị đơn:* Ông Bùi Trung C, sinh năm 2001. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn M, xã T, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hữu V, sinh năm 1980; Địa chỉ: B H, thôn E, xã D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Giữa ngân hàng TMCP V1 và ông Bùi Trung C có ký 02 hợp đồng vay vốn gồm:

+ Hợp đồng cho vay số LN2205305879065 ngày 10/6/2022 và khế ước nhận nợ kèm theo với số tiền vay 2.250.000.000 đồng, thời hạn vay 300 tháng, mục đích vốn vay bù đắp vốn tự có mua bất động sản tại thửa số 397, tờ bản đồ số 42, tại xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng (cũ), lãi suất điều chỉnh, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả không quá 10%/năm.

+ Hợp đồng vay số LN2309190302990 ngày 31/10/2023 và khế ước nhận nợ kèm theo vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, mục đích sử dụng vốn vay tiêu dùng mua đồ gia đình, lãi suất 12% trong hạn 12 tháng, sau đó điều chỉnh, lãi.

Để đảm bảo khoản vay, ông Bùi Trung C đã thế chấp thửa đất số 379, tờ bản đồ số 42, tọa lạc tại xã D, tỉnh Lâm Đồng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 841935 được UBND huyện D, tỉnh Lâm Đồng (cũ) cấp ngày 23/02/2021, cập nhật thay đổi sở hữu ngày 02/6/2022. Việc đăng ký thế chấp theo hợp đồng thế chấp số LN2205305879065/HĐTC ngày 06/6/2022 và hợp đồng sửa đổi bổ sung ngày 04/10/2023. Đã thực hiện chỉnh lý đăng ký thế chấp theo đúng quy định của pháp luật.

Đến ngày 27/12/2024 giữa ngân hàng TMCP V1 với công ty cổ phần M nay là công ty cổ phần M thực hiện mua bán nợ, theo hợp đồng số 17/2024/VPB-JUPITER ngày 27/12/2024 và phụ lục kèm theo, với nội dung bán 01 phần nợ, mức bán công ty M 90%, ngân hàng V1 10%. Bị đơn Bùi Trung C vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến ngày 22/12/2025 công ty cổ phần M và ngân hàng TMCP V1 .

Tính đến ngày 30/9/2026 thì bị đơn Bùi Trung C còn nợ của nguyên đơn tổng số tiền: 3.853.852.140 đồng (*Ba tỷ tám trăm năm mươi ba triệu tám trăm năm mươi hai nghìn một trăm bốn mươi đồng*), trong đó:

+ Nợ của công ty cổ phần M số tiền: 3.468.466.926 đồng (gốc 2.335.900.729 đồng, lãi 1.132.566.197 đồng)

+ Nợ của ngân hàng TMCP V1 số tiền: 385.385.214 đồng (gốc 259.544.525 đồng, lãi 125.840.689 đồng)

Buộc bị đơn Bùi Trung C có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền 3.853.852.140 đồng (*Ba tỷ tám trăm năm mươi ba triệu tám trăm năm mươi hai nghìn một trăm bốn mươi đồng*), trong đó: Trả cho công ty cổ phần M số tiền: 3.468.466.926 đồng (*Ba tỷ bốn trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn chín trăm hai mươi sáu đồng*) (trong đó gốc 2.335.900.729 đồng, lãi 1.132.566.197 đồng); Trả cho ngân hàng TMCP V1 số tiền: 385.385.214 đồng (*Ba trăm tám mươi lăm triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm mười bốn đồng*) (trong đó gốc 259.544.525 đồng, lãi 125.840.689 đồng).

Nếu bị đơn Bùi Trung C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì có nghĩa vụ giao toàn bộ tài sản thế chấp cho nguyên đơn để thực hiện quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp, theo hợp đồng thế chấp tài sản số LN2205305879065/HĐTC ngày 06/6/2022 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 04/10/2023 đối với quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CY 841935 vào sổ

cấp giấy chứng nhận số CH 11527/Q23A/186 do Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Lâm Đồng (cũ) nay xã D, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 23/02/2021, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 02/6/2022, tại thửa đất số 379, tờ bản đồ 42, diện tích 5.414,1m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất: trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã D, tỉnh Lâm Đồng.

Về chi phí tố tụng: Bị đơn Bùi Trung C phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 10.574.000 đồng (*Mười triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn đồng*), nguyên đơn công ty cổ phần M đã nộp tạm ứng đủ, ông C có nghĩa vụ nộp hoàn lại cho nguyên đơn công ty cổ phần M.

Về án phí: Bị đơn Bùi Trung C phải chịu 109.077.000 đồng (*Một trăm lẻ chín triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại cho nguyên đơn công ty cổ phần M và ngân hàng TMCP V1 số tiền tạm ứng án phí 51.267.000 đồng (*Năm mươi mốt triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001454 ngày 03/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 30/9/2026 ông Bùi Trung C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, lãi suất quá hạn, phạt chậm trả của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng cấp tín dụng và phụ lục hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 13 – Đắk Lắk
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Thu Hiền**